

Số: /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng), địa chỉ 43 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 4, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn Tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 - 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 25/2022/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020 - 31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định về giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 05/06/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy định bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy định bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quy định một số chính sách cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 13947/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt dự án để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương tại Phường 4;

Căn cứ Kế hoạch số 6040/KH-UBND ngày 18/8/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất, điều tra khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4.

Căn cứ Thông báo số 1609/TB-UBND ngày 18/08/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4;

Căn cứ Quyết định số 9082/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thu hồi 26,6m² đất do ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) đang sử dụng tại Phường 4 để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 30 hộ gia đình, cá nhân (đợt 1) do Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng), địa chỉ 43 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 4, thành phố Vũng Tàu do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp đường Tú Xương, Phường 4, với nội dung như sau:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 746.120.939 đồng

(Bảy trăm bốn trăm sáu triệu, một trăm hai mươi ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng)

TT	HỌ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	THÀNH TIỀN (VNĐ)
9	Ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng).					746.120.939
	Địa chỉ thường trú: 43 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 4, thành phố Vũng Tàu.					
	Địa chỉ nơi thu hồi đất: 43 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 4, thành phố Vũng Tàu.					
	DT đất thu hồi:	m ²	26,60	thuộc thửa 32, tờ bản đồ THĐ		
	DT đất bồi thường:	m ²	26,60			
	<u>Nguồn gốc:</u> Diện tích thu hồi: 26,6m ² thuộc một phần diện tích 170,7m ² đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DL 545510; DL 545511; DL 545512; DL 545513 ngày 08/5/2023 (cùng sử dụng đất), do đó đủ điều kiện bồi thường 3,9m ² đất ở và 22,7m ² đất nông nghiệp.					
	<i>A/ Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất:</i>					416.565.900
	Đất ở (vị trí 1, đường loại 3, đường Tú Xương)	m ²	3,90	48.368.000	1,00	188.635.200
	Đất nông nghiệp (vị trí 1, đường loại 3, đường Tú Xương)	m ²	22,70	10.041.000	1,00	227.930.700
	(theo Quyết định số 9082/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu)					
	<i>B/ Bồi thường hoa màu, cây trái:</i>					933.000
	Mãng cầu xiêm B	cây	1,00	491.000	1,00	491.000
	Mãng cầu B	cây	1,00	442.000	1,00	442.000
	<i>C/ Bồi thường nhà, vật kiến trúc:</i>					0
	Không					
	<i>D/ Các khoản bồi thường khác:</i>					0
	Không					
	<i>Đ/ Hỗ trợ bằng mức xây dựng mới nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 1992:</i>					327.722.039
	Nhà 01 tầng loại 2 [(4,0 x 5,7) + (6,2 x 7,2)]m	m ²	67,44	4.381.000	1,00	295.454.640

	Tường gạch (8,7 x cao 3,7)m + (1,2 x cao 2,0)m trên có hàng rào kẽm gai cao 0,5m					
	+ Phần tường gạch cao 2m	md	9,90	1.116.000	1,00	11.048.400
	+ Phần cao trên 2m (8,7 x 1,7)m	m ²	14,79	50.000	1,00	739.500
	+ Phần rào kẽm gai [(8,7 x 0,5) + (1,2 x 0,5)]m	m ²	4,95	30.000	1,00	148.500
	Tường gạch (3,8 x cao 1,5)m + (7,4 x cao 1,3)m + (2,0 x cao 1,3)m trên có hàng rào kẽm gai cao 0,5m					
	+ Phần cao 1m	md	13,20	612.000	1,00	8.078.400
	+ Phần cao trên 1m [(3,8 x 1,0) + (7,4 x 0,8) + (2,0 x 0,8)]m	m ²	11,32	30.000	1,00	339.600
	Nền gạch men (1,8 x 1,7)m	m ²	3,06	351.000	1,00	1.074.060
	Khung sắt lưới B40 (1,4 x 0,5)m	m ²	0,70	30.000	1,00	21.000
	Khung sắt (2,7 x 2,3)m	m ²	6,21	30.000	1,00	186.300
	Nhà kho để đồ (1,3 x 1,4)m: tường gạch, mái tôn, nền xi măng	m ²	1,82	830.000	1,00	1.510.600
	Trụ công (0,3 x 0,3 x cao 2,3)m x 2 trụ, có lõi BTCT					
	+ Phần xây gạch [(0,3 x 0,3 x 2,3) - (0,15 x 0,15 x 2,3)] x 2 trụ	m ³	0,31	3.694.000	1,00	1.146.987
	+ Lõi BTCT (0,15 x 0,15 x 2,3) x 2 lõi	m ³	0,10	5.932.000	1,00	613.962
	Cổng sắt (1,5 x cao 2,2)m	m ²	3,30	300.000	1,00	990.000
	Mái nhựa, nền gạch men (1,6 x 2,0)m	m ²	3,20	753.000	1,00	2.409.600
	Sân xi măng (3,7 x 1,5)m	m ²	5,55	259.000	1,00	1.437.450
	Sê nô BTCT [(1,5 x 0,5) + (6,9 x 0,5) + (2,0 x 0,5)]m x dày 0,1m	m ³	0,52	4.852.000	1,00	2.523.040
	E/ Các khoản hỗ trợ khác:					900.000
	Đồng hồ điện (di dời)	cái	1,00	500.000	1,00	500.000
	Đồng hồ nước (di dời)	cái	1,00	400.000	1,00	400.000
	G/ Tái định cư:					
	Không					
	H/ Truy thu thuế:					
	Không					

2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Ngân sách nhà nước, do Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 chuyên toàn bộ kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố thực hiện tổ chức chi trả tiền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND Phường 4; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng 2 giao Quyết

định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) và niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu chủ trì phối hợp cùng Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng 2 (chủ đầu tư) và UBND Phường 4 tiến hành chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) theo Điều 1 của Quyết định này.

Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài số tiền đã được UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì Trung tâm Phát triển quỹ đất, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng 2 có trách nhiệm thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Trường hợp ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo thông báo (thư mời) nhận tiền thì Trung tâm Phát triển quỹ đất, Chủ đầu tư không phải trả tiền lãi suất do người sử dụng đất chậm nhận tiền chi trả.

3. Ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) có trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên đất thu hồi đúng thời hạn và bàn giao mặt bằng cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu quản lý theo quy định; đồng thời nộp bản chính giấy chứng nhận QSD đất hoặc giấy tờ liên quan cho Trung tâm Phát triển quỹ đất chuyển Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu chỉnh lý theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận hoặc biết được Quyết định này, nếu chưa đồng ý với Quyết định thì ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) được quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Trong khi chờ kết quả giải quyết khiếu nại, khởi kiện của cơ quan có thẩm quyền, đề nghị ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) chấp hành việc bàn giao đất theo khoản 3, Điều 2 của Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu; Chủ tịch UBND Phường 4; Giám đốc Ban

Quản lý dự án đầu tư xây dựng 2; Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân liên quan và ông (bà) Phan Ngọc Được - Phan Thị Ngọc Vân - Phan Thị Ngọc Lan - Phan Thị Ngọc Quỳnh (đồng sử dụng) căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND TPVT;
- Kho bạc Nhà nước Vũng Tàu;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Thuận